

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SON LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2831/QĐ-UBND

Son La, ngày 13 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phê duyệt Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/2000 Thị trấn Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SON LA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND-UBND năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 1257/KQTD-SXD ngày 26/10/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/2000 Thị trấn Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp đến năm 2025 với các nội dung chính sau:

- **Tên đồ án:** Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/2000 thị trấn Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp đến năm 2025.

- **Địa điểm xây dựng:** Thị trấn Sốp Cộp-huyện Sốp Cộp-tỉnh Sơn La.

- **Chủ đầu tư:** UBND huyện Sốp Cộp.

- **Đơn vị tư vấn:**

Chi nhánh Tây Bắc - Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Quốc Tế.

(Có hồ sơ quy hoạch kèm theo)

I. Những nội dung chính của đồ án quy hoạch:

1. Phạm vi, ranh giới:

- Phạm vi nghiên cứu: Toàn bộ ranh giới huyện Sốp Cộp.

- Phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch: Khoảng 400 ha, ranh giới như sau:

+ Phía Bắc giáp núi, bản Nà Nó và bản Nà Sài, xã Sốp Cộp.

+ Phía Nam giáp núi và Suối Nậm Lạnh.

+ Phía Đông giáp núi và đường QL4G đoạn đi huyện Sông Mã.

+ Phía Tây giáp núi, Suối Nậm Ban (đường đi xã Dòm Càng).

2. Tính chất, chức năng:

- Là đô thị phía Tây của tỉnh Sơn La, trong tương lai sẽ là trung tâm giao lưu Kinh tế - Văn hóa xã hội của vùng biên giới Việt - Lào.

- Là trung tâm Hành chính - Chính trị - Kinh tế - Văn hóa xã hội của huyện Sốp Cộp, có vị trí quan trọng về an ninh Quốc phòng.

3. Quy mô:

- Quy mô dân số đô thị: Dự báo đến năm 2020 khoảng 6.000 người. Tầm nhìn đến năm 2025 khoảng 8000 người.

- Quy mô đất đai đô thị: Dự báo đến năm 2020 khoảng 145 ha. Tầm nhìn đến năm 2025 khoảng 208 ha.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu quy hoạch	
			2020	2025
I	Dân số	người	6.056	8.000
1	Dân số đô thị		6.056	8.000
2	Tỷ lệ phát triển dân số	%	5,8	6,5
3	Tỷ lệ tăng tự nhiên.	%	1,2	1,10
4	Tỷ lệ tăng cơ học	%	4,6	5,40
II	Cấp hạng đô thị	Loại	V	V
III	Quy mô đất đai dân dụng đô thị	ha	145	208
IV	Các chỉ tiêu cụ thể			
1	Sử dụng đất			
a	Diện tích đất xây dựng bình quân	m ² / người	240	260
b	Đất khu ở	m ² / người	80	92

2	Hạ tầng kỹ thuật			
a	<i>Giao thông</i>			
	Giao thông (tính đến đường chính khu vực)	% đất ĐT	8	10
	Độ dốc nền, đường giao thông	%	0,4 ÷ ≤14	0,4 ÷ ≤14
b	<i>Cấp nước</i>			
	- Nước sinh hoạt	l/người.ngđ	100	120
	- Tỷ lệ cấp nước	% dân số	90	95
	- Nước công nghiệp	m ³ /ha.ngđ	20	25
c	<i>Cấp điện</i>			
	- Điện năng sinh hoạt	kwh/ng.năm	400	500
	- Phụ tải sinh hoạt	w/người	200	250
	- Điện công nghiệp	MW/ha	120	140
d	<i>Thoát nước thải</i>			
	- Nước thải sinh hoạt	% nước SH	80	85
	- Nước thải công nghiệp	% nước CN	80	85

5. Định hướng quy hoạch:

5.1. Hướng phát triển đô thị:

- Hướng phát triển đô thị được xác định gồm 2 trục đường Quốc lộ 4G, Tỉnh lộ 105 và trục đường đi khu trung tâm hành chính huyện kết nối với trục đường Quốc lộ 4G, Tỉnh lộ 105.

- Trung tâm hành chính huyện chỉnh trang theo hiện trạng.

- Định hướng tầm nhìn đến 2025, phát triển đô thị về phía Tây Bắc thuộc bờ phải suối Nậm Ban theo hướng nhìn về thượng lưu, bố trí hình thái phát triển đô thị dựa theo yếu tố địa hình, tôn trọng cảnh quan thiên nhiên.

5.2. Tổ chức không gian đô thị.

- Tổ chức không gian đô thị dựa theo đặc thù vùng Tây Bắc với địa hình dạng thung lũng. Các công trình xây dựng ở tầm cao thấp và không gian thiết kế theo hướng mở.

- Tổ chức không gian đô thị phải đảm bảo sự vận hành an toàn và thuận lợi của các tuyến đường giao thông quan trọng qua địa bàn đô thị, đồng thời tạo lập không gian đô thị văn minh hiện đại có môi trường sống bền vững cho các cư dân đô thị và tạo tiền đề quan trọng cho các giai đoạn phát triển tiếp theo.

- Hình thức kiến trúc trong đô thị: Định hướng phát triển thống nhất theo phong cách hiện đại, đậm bản sắc dân tộc.

- Định hướng tầm nhìn đến năm 2025: Tổ chức không gian đô thị mở rộng về phía bờ phải suối Nậm Ban.

5.3. Cơ cấu sử dụng đất theo các chức năng.

TT	Danh mục sử dụng đất	Hiện trạng năm 2014		Quy hoạch năm 2020		Quy hoạch năm 2025	
		Dt đất (ha)	Tỷ lệ (%)	Dt đất (ha)	Tỷ lệ (%)	Dt đất (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất trong phạm vi quy hoạch	400,00	100,00	400,00	100,00	400,00	100,00
	- Đất xây dựng đô thị	89,79	22,45	145,34	36,33	207,65	51,91
	- Đất khác	310,21	77,55	254,66	63,67	192,35	48,09
A	Đất xây dựng đô thị	89,79	100,00	145,34	100,00	207,65	100,00
I	Đất dân dụng	67,95	75,67	92,89	63,91	133,52	64,30
1.1	Đất các đơn vị ở	42,80	47,66	48,93	33,66	73,56	35,42
1.2	Đất công trình công cộng	7,43	8,27	11,96	8,23	11,96	5,76
1.3	Đất giao thông nội bộ	15,68	17,46	27,52	18,94	34,07	16,41
1.4	Đất cây xanh công viên thể dục thể thao	2,04	2,27	4,49	3,09	13,93	6,71
II	Đất ngoài dân dụng	21,85	24,33	52,45	36,09	74,13	35,70
2.1	Đất các cơ quan, công trình công cộng phục vụ chung đô thị	9,13	10,17	13,32	9,16	14,16	6,82
	- Đất cơ quan hành chính, các đơn vị ngành dọc	8,86	9,86	10,89	7,50	10,89	5,25
	- Đất thương mại dịch vụ	0,27	0,30	2,42	1,67	3,26	1,57
2.2	Đất giao thông đối ngoại	4,92	5,48	8,90	6,12	8,90	4,29
2.3	Đất an ninh quốc phòng	1,86	2,07	4,18	2,88	4,18	2,01
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	5,78	6,44	14,03	9,66	25,06	12,07
2.5	Đất dự trữ phát triển					9,82	4,73
2.6	Đất đầu mối HTKT	0,16	0,17	2,17	1,50	2,17	1,05
	- Bãi đỗ xe, bến xe	0,16		0,67		0,67	
	- Đất hạ tầng kỹ thuật			1,50		1,50	
2.7	Đất tiêu thụ công nghiệp			9,84	6,77	9,84	4,74
B	Đất khác	310,21	100,00	254,66	100,00	192,35	100,00
1	Đất sản xuất nông nghiệp	256,36	82,64	186,44	73,21	83,99	43,67
1.1	Đất trồng lúa	51,41	16,57	50,33	19,76	47,15	24,51
1.2	Đất trồng hàng năm	28,56	9,21	23,56	9,25	22,74	11,82
1.3	Đất trồng cây lâu năm	80,79	26,04	70,47	27,67	14,11	7,33
1.4	Đất trồng hỗn tạp	95,60	30,82	42,07	16,52		
2	Đất lâm nghiệp	6,29	2,03	16,98	6,67	57,17	29,72
	Đất rừng phòng hộ, sản xuất	6,29	2,03	16,98	6,67	57,17	29,72
3	Đất mặt nước chuyên dùng, sông suối	47,55	15,33	51,25	20,12	51,19	26,61

TT	Danh mục sử dụng đất	Hiện trạng năm 2014		Quy hoạch năm 2020		Quy hoạch năm 2025	
		Dt đất (ha)	Tỷ lệ (%)	Dt đất (ha)	Tỷ lệ (%)	Dt đất (ha)	Tỷ lệ (%)
	Đất suối	18,48	5,96	22,17	8,71	22,42	11,66
	Đất ao	29,08	9,37	29,08	11,42	28,76	14,95

5.4. Quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

a) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Bám sát địa hình tự nhiên, tuân thủ cao độ thiết kế tại các nút giao của mạng lưới đường giao thông, tránh đào đắp lớn, sử dụng giải pháp xây dựng công trình bám theo sườn dốc địa hình. Sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả đất đai, tiết kiệm kinh phí cho công tác chuẩn bị mặt bằng xây dựng.

- Cao độ Hxd= 709,50m được đảm bảo toàn thị trấn Sốp Cộp là đô thị loại V không bị ảnh hưởng của yếu tố ngập lụt với tần suất lũ tính toán P=10%.

b) Thoát nước mưa:

Nước mặt sẽ được thu gom vào hệ thống cống dọc đường rồi thoát vào hệ thống các con suối. Toàn thị trấn được phân chia thành 04 lưu vực thoát nước chính:

- Lưu vực 1: Phía Đông Nam khu quy hoạch có trục thoát nước chính là suối Nậm Lạnh, Nậm Ca.

- Lưu vực 2: Phía Đông Bắc khu quy hoạch trục thoát nước chính là suối Nậm Ca và suối Nậm Công; Lưu vực phía Tây Bắc khu quy hoạch trục thoát nước chính là suối Nậm Ban, Nậm Công.

- Lưu vực 3: Phía Tây Bắc khu quy hoạch trục thoát nước chính là suối Nậm Ban, Nậm Công.

- Lưu vực 4: Phía Tây Nam khu quy hoạch trục thoát nước chính là suối Nậm Ban.

c) Giao thông:

* Giao thông đối ngoại:

- Đường Quốc lộ 4G đoạn chạy qua đô thị có 02 loại mặt cắt:

+ Mặt cắt A-A: Bn = 30,0m; Bm = 18,0m; Phân cách = 2m; Vĩa hè: 2x5,0m.

+ Mặt cắt B-B: Bn = 21,0m; Bm = 15,0m; Vĩa hè: 2x3,0m.

- Đường Tỉnh lộ 105 đoạn qua đô thị có 02 loại mặt cắt:

+ Mặt cắt B-B: $B_n = 21,0\text{m}$; $B_m = 15,0\text{m}$; Vĩa hè: $2 \times 3,0\text{m}$.

+ Mặt cắt C-C: $B_n = 21,0\text{m}$; $B_m = 11,0\text{m}$; Vĩa hè: $2 \times 5,0$.

* *Giao thông đối nội:*

- Đường khu vực: Có 02 loại mặt cắt:

+ Mặt cắt 2-2: $B_n = 21,0\text{ m}$; $B_m = 15,0\text{m}$; Vĩa hè: $2 \times 3,0\text{m}$.

+ Mặt cắt 3-3: $B_n = 16,5\text{ m}$; $B_m = 10,5\text{m}$; Vĩa hè: $2 \times 3,0\text{m}$.

- Đường phân khu vực: $B_n = 13,5\text{ m}$; $B_m = 7,5\text{m}$; Vĩa hè: $2 \times 3,0\text{m}$.

- Đường nội bộ: $B_n = 7,5 - 11,5\text{m}$.

* *Công trình giao thông tỉnh:*

- Bến xe khách Sốp Cộp: Là bến xe đối ngoại loại 5, được bố trí trên tuyến Quốc lộ 4G có chức năng chính kết nối và vận chuyển.

- Bãi xe tỉnh: Tính toán đáp ứng nhu cầu sử dụng cho dân cư trong đô thị.

d) *Cấp nước:*

- Tổng nhu cầu dùng nước đến 2025: $1.554\text{ m}^3/\text{ngđ}$.

- Nguồn nước cấp cho thị trấn Sốp Cộp được lấy từ suối Nậm Lạnh, sau khi được xử lý tại Nhà máy cấp nước Sốp Cộp với công suất thiết kế $2.500\text{ m}^3/\text{ngđ}$, công suất hoạt động $1.750\text{ m}^3/\text{ngđ}$ sẽ cấp nước cho toàn thị trấn.

- Nước cứu hoả sẽ sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt của khu vực trên đường chính khu vực và đường phân khu vực. Đối với các công trình xây dựng cụ thể, tùy theo tính chất và đặc điểm, cần có thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy bên trong công trình phù hợp với tiêu chuẩn hiện hành.

e) *Cấp điện:*

- Tổng phụ tải điện tính toán đến năm 2025: 5.819 KVA .

- Nguồn điện cấp điện cho Thị trấn Sốp Cộp lấy từ trạm 110KV Sông Mã.

- Trên cơ sở nhu cầu tăng trưởng phụ tải của từng khu vực bố trí các trạm lưới $35/0,4\text{KV}$ cho phù hợp với công suất yêu cầu.

- Mạng lưới điện sinh hoạt từ trạm biến áp cấp đến được tổ chức theo hình tia, đi nổi và sử dụng cáp treo trên cột đặt trên vỉa hè dọc theo các trục đường giao thông đến các phụ tải.

- Mạng lưới điện chiếu sáng được tính toán đảm bảo mỹ quan đô thị và tuân thủ theo tiêu chuẩn hiện hành, đảm bảo độ chói của mỗi loại đường.

f) Thoát nước bản và vệ sinh môi trường:

- Xây dựng hệ thống thoát nước bản riêng, nước thải sinh hoạt được thu gom và tập trung trong đường ống ($D < 300$ mm) và Cống BTCT ($D > 300$ mm) chảy đến các trạm bơm chuyển bậc. Nước thải từ các cơ sở sản xuất được xử lý sơ bộ trước khi đổ vào cống thoát nước thải sinh hoạt. Dự kiến xây dựng 03 trạm xử lý nước thải đặt tại khu ruộng giáp các Suối Nậm Ban, Nậm Ca, Nậm Lạnh.

- Rác thải được phân loại, thu gom và vận chuyển đến bãi rác chung. Rác thải của thị trấn sẽ được thu gom và đưa về khu xử lý chất thải rắn của huyện Sốp Cộp, vị trí tại Bản Nà Sài, xã Sốp Cộp.

- Dự kiến đến năm 2025 sẽ sử dụng nghĩa trang tập trung tại bản Pom Khăng và nghĩa trang Nà Sài. Các nghĩa trang nhỏ lẻ tại các bản trong khu xây dựng đô thị tập trung sẽ đóng cửa, không chôn cất (nghĩa trang Sốp Nậm, nghĩa trang Nà Địa giáp Bệnh viện đa khoa). Các nghĩa trang tập trung mới quy hoạch của thị trấn Sốp Cộp sẽ được định hướng đầu tư xây dựng theo hướng công viên nghĩa trang.

g) Thông tin liên lạc:

** Bưu chính:*

- Mạng lưới bưu chính: Mở rộng phạm vi phục vụ bằng việc mở các điểm đại lý bưu điện, phát triển thêm 01 điểm đại lý bưu điện tại thị trấn Sốp Cộp sau năm 2020.

- Mạng lưới vận chuyển: Nâng cao năng lực mạng vận chuyển trong huyện, giảm thời gian hành trình, nâng cao chất lượng chuyển phát thư từ thị trấn đi các xã trong huyện. Đầu tư phương tiện vận chuyển chuyên ngành đáp ứng nhu cầu vận chuyển bưu chính và chuyển phát thư.

** Viễn thông:*

- Phát triển mạng hạ tầng viễn thông theo hướng công nghệ hiện đại, chú trọng ứng dụng công nghệ, chất lượng, xây dựng mạng theo mô hình mạng thế hệ mới (NGN).

- Thực hiện cáp quang hóa các tuyến cáp đồng, xây dựng các tuyến cáp quang nhánh thay thế cho các tuyến Viba kết nối các trạm chuyển mạch.

- Ngầm hóa hệ thống mạng cáp viễn thông tại trung tâm huyện, phát triển hệ thống các trạm thông tin di động Vinaphone, Mobiphone, Viettel.

6. Thiết kế đô thị.

- Khi lập dự án đầu tư xây dựng các công trình kiến trúc về quy mô diện

tích, chức năng, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch phải tuân thủ theo đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/2.000 (Bao gồm: Mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, số tầng cao công trình, ...).

- Cốt xây dựng công trình tuân theo thiết kế san nền chuẩn bị kỹ thuật.
- Các công trình có màu sắc trang nhã, phù hợp với cảnh quan chung.
- Bố trí hàng rào toàn khu bằng các dải cây xanh, sân vườn cảnh quan nội khu được bố trí theo kiểu sắp đặt, sử dụng vật liệu tự nhiên (như đá, sỏi, thảm cỏ, cây tán, cây bụi...) tạo cảnh quan tự nhiên gần gũi với con người.
- Cây xanh: Lựa chọn loài cây trồng phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng được bố trí phân tầng theo chiều cao của từng loại cây.
- Tại các công trình đầu mỗi hạ tầng kỹ thuật trồng cây xanh che chắn.
- Quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Đối với các tuyến đường nội khu phải tuân thủ quy hoạch giao thông tỷ lệ 1/2.000.

7. Biện pháp bảo vệ môi trường.

7.1. Bảo vệ môi trường đất:

Cần sử dụng đất một cách hợp lý, hạn chế xả thải, nước thải vào môi trường, xây dựng hệ thống thoát nước riêng đối với nước thải sản xuất và nước mưa, tránh nước thải có lẫn dầu mỡ chảy tràn theo nước mưa ra môi trường xung quanh ảnh hưởng tới chất lượng đất. Sử dụng hợp lý thuốc trừ sâu, phân bón hóa học trong sản xuất nông nghiệp.

7.2. Bảo vệ môi trường không khí, tiếng ồn:

Hạn chế ảnh hưởng độc hại các chất ô nhiễm trong không khí tới môi trường, trồng cây xanh cách ly, cây xanh 2 bên đường nhằm giảm thiểu ô nhiễm bụi và tiếng ồn, đóng cửa các nghĩa trang gây ảnh hưởng đến môi trường, xây dựng hệ thống thoát nước bản riêng.

7.3. Bảo vệ môi trường nước:

Hạn chế việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón phải đúng quy định, đủ liều lượng. Nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp dịch vụ được thu gom tập trung và xử lý cục bộ tại những nơi phát thải, tập trung xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của đô thị.

7.4. Bảo vệ môi trường do chất thải rắn:

Chất thải sinh hoạt và chất thải của các cơ sở sản xuất công nghiệp được thu gom, đưa vào bãi chôn lấp tập trung của huyện. Chất thải rắn Y tế được thu gom và đưa về lò đốt tại Bệnh viện đa khoa huyện.

7.5. Giải pháp giảm nhẹ thiên tai:

Sử dụng biện pháp trồng cây hoặc cỏ chống sạt lở, di chuyển các hộ dân có nguy cơ cao về sạt lở, làm mốc cảnh báo cho người dân vùng dễ bị sạt lở. Cải tạo, nâng cấp, kiên cố hoá hệ thống kênh mương, đồng thời nạo vét, khơi thông lòng suối nhằm tăng khả năng thoát lũ, tiêu úng. Tuân thủ cao độ nền khống chế quy hoạch tại các khu vực, toàn thị trấn. Tại các khu vực đào nền trên sườn dốc, khu ven bờ suối cần gia cố mái dốc kè bờ suối một cách đồng bộ.

8. Phân kỳ đầu tư.

8.1. Giai đoạn 1, đến 2020:

- Thực hiện các công tác cắm mốc khoanh vùng, triển khai các quy hoạch chi tiết, chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng và đền bù đất đai, quản lý đô thị tránh tái lần chiếm cho các dự án ưu tiên.

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các công trình hạ tầng đầu mối, đường giao thông chủ đạo tại khu vực trung tâm hành chính (Khu vực I) và các công trình Trụ sở cơ quan cấp huyện còn thiếu, Công trình công cộng khu trung tâm, Chợ trung tâm huyện, Trung tâm Văn hóa gắn với hồ cảnh quan trung tâm huyện, công trình Điện chiếu sáng.

- Chính trang và xây dựng hoàn chỉnh khu dân cư Nà Phe, Hua Mường, Cang Mường và Lã Mường và khu dân cư Sốp Nặm.

- Xây dựng một phần hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là các công trình hạ tầng đầu mối, đường giao thông chủ đạo tại khu II và khu III.

- Xây dựng hạ tầng một phần cụm Công nghiệp, Tiểu thủ Công nghiệp.

8.2. Giai đoạn 2, từ 2021- 2025:

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện các khu chức năng đã hoạch định trong giai đoạn 1. Triển khai các dự án tái định cư, các khu ở mới, chính trang các khu ở cũ.

- Khuyến khích và thu hút đầu tư vào các trung tâm thương mại, khu cụm công nghiệp của huyện.

- Xây dựng các khu chức năng như: Công viên, Dịch vụ, Công cộng, ...

- Đầu tư nâng cấp mở rộng các cơ sở trường học hiện có, xây dựng thêm trường học để đáp ứng nhu cầu phát triển.

9. Kinh tế xây dựng.

9.1. Tổng kinh phí đầu tư xây dựng: Khoảng 1.361,9 tỷ đồng, trong đó:

- Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn đầu đến năm 2020: Khoảng 702,2 tỷ đồng.

- Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2021 – 2025: Khoảng 659,7 tỷ đồng.

9.2. Nguồn vốn:

- Vốn ngân sách 926,2 tỷ đồng, chiếm 68% (trong đó ngân sách địa phương khoảng 80,0 tỷ đồng thông qua việc đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị, giao đất ở có thu tiền...)

- Vốn khác 435,7 tỷ đồng, chiếm 32% (vốn tài trợ, thu hút đầu tư, xã hội hóa, vốn vay tín dụng...)

Điều 2. Giao Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thiện hồ sơ được duyệt (có dấu xác nhận thẩm định của các cơ quan liên quan), chuyển giao cho các cơ quan quản lý cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định hiện hành. Tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch, cấm mốc giới quy hoạch và phê duyệt, ban hành quy định quản lý theo đồ án quy hoạch. Triển khai lập quy hoạch chi tiết theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Công thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Lao động, Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sốp Cộp; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Đ/c Bùi Đức Hải Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Phó Chánh VP: Nguyễn Huy Anh;
- Lưu VT, KTTH, VX, Quy-KTN, 35b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hải